

Số: /NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày thángnăm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

- Chủ sở hữu tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản
- Thành viên thuộc hộ gia đình chủ tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản.
- Thuyền viên đang làm việc tại các tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản.
- Các cơ quan quản lý Nhà nước; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thực hiện Nghị quyết.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

- Đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và đúng đối tượng.
- Trường hợp có sự trùng lặp về nội dung chính sách hỗ trợ từ các chính sách khác nhau thì ngư dân được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất và chỉ được hỗ trợ một lần cho một nội dung chính sách.

3. Hỗ trợ một lần, ưu tiên hỗ trợ cho các hộ hành nghề lâu năm, hộ nghèo, cận nghèo.

4. Một chủ tàu cá có nhiều tàu cá đủ điều kiện được hỗ trợ giải bản thì thực hiện hỗ trợ đối với tất cả tàu cá đủ điều kiện.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ giải bản tàu cá

1. Điều kiện hỗ trợ

- a) Tàu hoạt động khai thác thủy sản có nguồn gốc tàu rõ ràng.
- b) Tàu cá không có tranh chấp về quyền sở hữu tàu cá, không dùng tàu cá làm tài sản bảo đảm thế chấp tại các tổ chức tín dụng; tàu cá không thuộc kê biên thi hành án.
- c) Tàu cá phải được giải bản trước thời gian cơ quan có thẩm quyền tổ chức nghiệm thu hỗ trợ và toàn bộ thân vỏ, máy chính còn tại hiện trường

2. Mức hỗ trợ kinh phí:

Hỗ trợ một lần đối với chủ tàu cá thực hiện giải bản tàu: Hỗ trợ bằng 70% giá trị tàu cá theo Chứng thư thẩm định giá tại thời điểm thẩm định nhưng không vượt quá mức hỗ trợ tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này, cụ thể:

- a) Tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 6m đến dưới 12m: 50 triệu đồng/tàu.
- b) Tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 12m đến dưới 15m: 100 triệu đồng/tàu.
- c) Tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 15m trở lên: 200 triệu đồng/tàu.
- d) Hỗ trợ an sinh xã hội cho nhân khẩu trong gia đình chủ tàu chuyển đổi nghề: Hỗ trợ một lần bằng tiền cho các thành viên sống phụ thuộc của hộ gia đình chủ tàu cá có tàu cá giải bản như sau:
 - Hỗ trợ gạo: Hỗ trợ bằng tiền tương đương với mức 30kg/người/tháng cho chủ tàu cá và các thành viên trong hộ gia đình, giá gạo theo giá thị trường tại địa phương.
 - Thời gian hỗ trợ: 12 tháng

Điều 4. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề

1. Điều kiện hỗ trợ

- a) Các cá nhân phải có địa chỉ thường trú tại tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân xã/phường xác nhận đã tham gia làm chủ tàu, thuyền viên trên tàu cá giải bản và có cam kết không tiếp tục tham gia hoạt động khai thác thủy sản sau khi tàu cá được giải bản.
- b) Hỗ trợ sau khi đã được các cơ sở đào tạo nghề cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học.

2. Nội dung hỗ trợ

- a) Hỗ trợ 100% tiền học phí, chi phí học tập, tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học.
- b) Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.
- c) Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

2. Thời gian hỗ trợ: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa, Kỳ họp thứ.....thông qua ngày ... tháng ...năm 202...../.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: TC; NN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ tỉnh;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH